

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Việt Nam



Trong những năm vừa qua, hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) về khoa học và công nghệ (KH&CN) đã được triển khai một cách tích cực và chủ động, cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Việt Nam đã có quan hệ hợp tác KH&CN với gần 70 nước, là thành viên của 100 tổ chức quốc tế về KH&CN, ký kết và thực hiện hơn 80 nghị định thư hợp tác KH&CN cấp chính phủ, cấp bộ. Hoạt động HTQT về KH&CN được triển khai ở hầu hết các lĩnh vực, quy mô của các chương trình và dự án hợp tác ngày càng được mở rộng và phát triển, hình thức hợp tác đa dạng và theo nhiều kênh khác nhau.

Tuy nhiên, thực trạng HTQT về KH&CN ở nước ta thời gian qua cũng đã bộc lộ không ít hạn chế, rất cần có sự điều chỉnh kịp thời để phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế.

Những thành quả đã đạt được

Có thể nói không quá rằng, thành tựu KH&CN Việt Nam có được ngày hôm nay có một phần đóng góp rất lớn của hoạt động HTQT về KH&CN, điều đó được thể hiện thông qua các kết quả cụ thể là:

Tăng cường năng lực nghiên cứu cho các đối tác Việt Nam thông qua đào tạo nguồn nhân lực KH&CN

Thông qua các chương trình, dự án hợp tác, nhiều cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trình độ cao (thạc sỹ, tiến sỹ và sau tiến sỹ) đã được đào tạo chính quy, theo tiêu chuẩn quốc tế. Lực lượng cán bộ khoa học có trình độ cao này đã và đang phát huy hiệu quả tại các trường đại học, viện nghiên cứu. Lực lượng này đã trở thành những “máy cái”, tiếp tục sử dụng những kiến thức đã thu nhận được vào các hoạt động chuyên môn, đặc biệt là trong việc đào tạo các thế hệ cán bộ khoa học, giảng viên mới, trẻ, để bổ sung cho lực lượng hiện có. Họ đã mở rộng quan hệ, tiếp tục được các định hướng nghiên cứu của mình nhờ khai thác được các dự án hợp tác mới với các nhà tài trợ nước ngoài hoặc quốc tế. Đồng thời, những gì thu hoạch được từ các chương trình, dự án hợp tác lại tiếp tục là cơ sở, nền tảng cho những bước tiến xa hơn trên con đường học thuật, chuyên môn và mở rộng những đóng góp của họ cho nền KH&CN đang phát triển của Việt Nam hiện nay.

Nâng cao kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề thực tiễn của Việt Nam

Mục tiêu chung của các chương trình, dự án hợp tác là “tăng cường năng lực nghiên cứu” cho các đối tác Việt Nam, nên mục tiêu cuối cùng của các nghiên cứu không chỉ là các kết quả, tri thức mới, được ứng dụng vào thực tế sản xuất, kinh tế - xã hội, mà quan trọng hơn là tiếp thu được các phương pháp, kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng mới, hiện đại trong nghiên cứu khoa học từ các nhà khoa học và các đối tác quốc tế. Các cán bộ nghiên cứu tham gia vào các dự án hợp tác có cơ hội học tập, làm việc tại các cơ sở ở nước ngoài nên đã có điều kiện cùng làm việc với các đồng nghiệp giỏi, trong môi

trường nghiên cứu hiện đại của phía bạn. Họ đã trực tiếp tiếp nhận các phương pháp, công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong quá trình nghiên cứu. Sau khi về Việt Nam, họ áp dụng, và trong mức độ nhất định, đã ảnh hưởng, tác động tới chính môi trường làm việc, các quan hệ và phong cách làm việc tại các cơ quan nghiên cứu và đào tạo của Việt Nam.

Bên cạnh một số ứng dụng thực tiễn cụ thể, những kết quả của hoạt động nghiên cứu của các dự án được phản ánh rõ nhất qua các ấn phẩm khoa học. Đến nay, đã có hàng nghìn bài báo quốc tế do các cán bộ nghiên cứu của Việt Nam hợp tác với các đối tác quốc tế cùng thực hiện. Ngoài ra, còn hàng nghìn bài báo khoa học khác đã được đăng trong nước, hàng nghìn báo cáo trình bày tại các hội thảo trong nước và quốc tế, được đăng trong các Kỷ yếu hội thảo, hàng trăm cuốn sách cũng đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản quốc gia.

Góp phần hoàn thiện môi trường nghiên cứu khoa học cho các tổ chức đối tác Việt Nam

Các chương trình, dự án hợp tác đã góp phần xây dựng một *môi trường nghiên cứu khoa học mạnh, hiệu quả và thuận lợi* cho các nhà nghiên cứu tại các đơn vị tham gia. Các cán bộ tham gia các nhiệm vụ hợp tác được đào tạo thông qua nghiên cứu, trong cả môi trường học thuật ở Việt Nam và quốc tế, do đó có thể so sánh và tiếp thu những cách tiếp cận hợp lý, hiện đại từ nước ngoài và mang về bổ sung cho môi trường nghiên cứu ở Việt Nam.

Sự tham gia của các đối tác nước ngoài trong nghiên cứu cũng đem lại những yếu tố mới, những ảnh hưởng và tác động tích cực tới việc cải thiện môi trường nghiên cứu ở các đơn vị đối tác Việt Nam. Từ những hoạt động của cá nhân, đến cách làm việc theo nhóm; từ tinh thần và phong cách hợp tác trong nghiên cứu tới việc tuân thủ những tiêu chuẩn quốc tế đối với các ấn phẩm khoa học. Các cán bộ nghiên cứu trẻ Việt Nam đã học được nhiều từ các nhà khoa học quốc tế, như tính nghiêm túc và chính xác, phương pháp lập kế hoạch công tác dài hạn và duy trì các thời gian biểu ngắn hạn, tinh thần trách nhiệm trong việc hoàn thành các phần việc được phân công khi làm việc theo nhóm.

Một trong những yếu tố làm tăng dự án hợp tác là tính sở hữu đối với các ý tưởng và kết quả nghiên cứu. Các trang thiết bị cơ bản cho điều kiện làm việc của các cán bộ nghiên cứu tại các đơn vị chủ trì cũng được nâng cấp, hoặc trang bị mới, góp phần tạo điều kiện để có một môi trường làm việc thuận tiện, thân thiện và hiệu quả.

Nâng cao năng lực quản lý nghiên cứu khoa học cho các tổ chức và đối tác Việt Nam



Thông qua việc triển khai và vận hành các chương trình, dự án hợp tác, tất cả các cán bộ tham gia đều được nâng cao năng lực quản lý, điều hành các dự án, chương trình nói riêng và quản lý, điều hành các hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung. Việc chia sẻ kinh nghiệm thông qua các hội thảo thường niên, tổ chức các lớp đào tạo có sự quan tâm chung của các đơn vị và cá nhân trong cùng lĩnh vực nghiên cứu; tổ chức các khóa tập huấn về phương pháp luận: viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo khoa học, các phương pháp nghiên cứu mới, kỹ thuật xử lý số liệu, thông tin, quản lý dự án... đã góp phần vào việc phát triển các nghiên cứu chính sách, vận dụng các kết quả nghiên cứu này để nâng cao kỹ năng hoạch định chính sách trong nhiều lĩnh vực và cấp độ, trong đó có hợp tác nghiên cứu quốc tế.

Tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong những năm qua, hoạt động HTQT về KH&CN (đặc biệt là các hợp tác song phương và đa phương trong nghiên cứu KH&CN) vẫn còn những tồn tại, như còn phân tán, chưa tập trung vào các hướng ưu tiên phát triển KH&CN mang tính chiến lược. Việc hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu còn nhiều hạn chế, thiếu nguồn vốn đối ứng cho hoạt động nghiên cứu chung. Năng lực của đội ngũ cán bộ nghiên cứu nói chung và cán bộ làm công tác HTQT về KH&CN còn hạn chế, vẫn còn những khó khăn trong tiếp cận với tri thức mới một cách kịp thời. Việc chủ động tranh thủ các nguồn ODA, vốn vay, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, các đối tác mạnh, cũng như việc huy động, thu hút các nguồn lực khác cho KH&CN chưa cao, còn thiếu sự hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn. Chúng ta đã cử đại diện tham gia một số tổ chức quốc tế và khu vực nhưng chưa có chiến lược đào tạo nhân sự một cách bài bản. Bên cạnh đó, cũng chưa tham gia một cách tích cực vào các chương trình của các đối tác mạnh về KH&CN như với EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản...

Sở dĩ có những hạn chế nêu trên là do những nguyên nhân sau:

Một là, chúng ta vẫn chưa có chiến lược, kế hoạch HTQT trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ dài hạn, làm ảnh hưởng đến việc xác định đối tác, phạm vi và quy mô hợp tác. Tăng cường, mở rộng HTQT là chủ trương đúng đắn, tuy nhiên công tác HTQT còn thiếu sự định hướng về nội dung hợp tác với từng đối tác trong từng giai đoạn cụ thể. Triển khai các dự án



Ký kết hợp tác KH&CN giữa Việt Nam và Australia

còn thiếu tính trọng tâm, trọng điểm, chưa thật tập trung xây dựng một số dự án trọng điểm phục vụ cho chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây là một trong các nguyên nhân dẫn đến việc chúng ta không có đủ các nguồn lực đối ứng khi thực hiện các dự án và làm cho một số dự án hợp tác được triển khai không theo lịch trình đã đặt ra, hiệu quả các dự án không cao. Hơn nữa, khi tham gia các hoạt động HTQT, hiện chúng ta chủ yếu vẫn ở vị thế “xin và nhận” nhiều hơn là đóng góp, bình đẳng, tuy nhiên, tình trạng này không thể kéo dài trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Hai là, cơ sở hạ tầng KH&CN còn yếu, chưa đảm bảo đối ứng khi tham gia các hoạt động HTQT. Trong tình hình hiện nay, cơ sở vật chất đảm bảo nghiên cứu triển khai và ứng dụng công nghệ của nước ta còn ở mức độ thấp, vẫn dùng ngân sách là chủ yếu để làm vốn đối ứng nên một số dự án thiếu vốn đối ứng, không kịp triển khai đúng tiến độ theo cam kết, ảnh hưởng đến việc thu hút các nguồn tài trợ tiếp theo.

Ba là, nhân lực KH&CN còn thiếu, năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cán bộ nghiên cứu Việt Nam chưa cao. Chưa có cơ chế hiệu quả khuyến khích doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân đầu tư cho KH&CN. Việc tổng kết, phân tích, đánh giá hoạt động hợp tác nghiên cứu với nước ngoài chưa được tiến hành thường xuyên, chưa có bộ phận theo dõi, nghiên cứu và đề xuất những vấn đề mang tính chiến lược, tổng thể của ngành KH&CN.

Giải pháp

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động HTQT về KH&CN trong thời gian tới, nâng vị thế của hoạt động này lên một tầm cao mới, đóng góp thiết thực và hiệu quả hơn cho KH&CN của đất nước, cần thực hiện một số giải pháp then chốt sau:

Đẩy mạnh việc thực hiện thoả thuận quốc tế về hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp Việt Nam

Cụ thể, Nhà nước tăng cường hỗ trợ việc tham gia các hoạt động trao đổi học thuật được tổ chức bởi các đối tác uy tín, có nền KH&CN tiên tiến, các tổ chức, diễn đàn đa phương về KH&CN nhằm tăng cường mạng lưới hợp tác nghiên cứu; hỗ trợ việc thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu, tham gia các chương trình, dự

CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

án nghiên cứu quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, các cơ quan quản lý, các chương trình quốc gia về KH&CN, các chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về các chủ đề KH&CN quan trọng, có tính thời sự, cấp bách tầm quốc gia; tham gia tổ chức và hỗ trợ tổ chức các hội thảo quốc tế tại Việt Nam về các chủ đề có tính liên ngành, liên khu vực.

Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động HTQT về KH&CN

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp của Việt Nam trong việc tham gia các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực, trong việc cử các nhà khoa học Việt Nam tham gia các hoạt động học thuật tại nước ngoài. Xây dựng tiêu chí đánh giá, tuyển chọn nhằm xác định các viện nghiên cứu, trường đại học để hàng năm giao thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có tính chiến lược.

Tăng cường nguồn lực thông tin hỗ trợ các hoạt động hợp tác nghiên cứu

Để làm tốt công tác này cần nâng cao hiệu quả phối hợp, hỗ trợ của đại diện Việt Nam trong các tổ chức, diễn đàn KH&CN quốc tế và khu vực, mạng lưới đại diện KH&CN Việt Nam ở nước ngoài trong việc tìm kiếm cơ hội, đối tác hợp tác nghiên cứu; tăng cường thông tin, giới thiệu về các chương trình, dự án lớn về KH&CN mà các đối tác nước ngoài, các tổ chức quốc tế và khu vực đang và sẽ triển khai; tuyên truyền, phổ biến các kết quả hợp tác nghiên cứu đã đạt được.

Tìm kiếm, khai thác nguồn lực từ các chương trình quốc tế của các quốc gia phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực, các tập đoàn đa quốc gia nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và đào tạo nhân lực trong lĩnh vực KH&CN

Chúng ta cần thiết phải có chính sách hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm đối tác, cơ hội để hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hợp tác nghiên cứu, làm chủ, cải tiến, sáng tạo công nghệ mới; hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp Việt Nam khai thác các nguồn lực từ các đối tác quốc tế thông qua hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và đào tạo nhân lực KH&CN, quản lý KH&CN, quản trị công nghệ, khai thác sáng chế và chuyển giao công nghệ.